

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1880/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức bồi thường thiệt hại cho các đối tượng tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên-Huế bị thiệt hại do sự cố môi trường biển

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng thiệt hại được xác định bồi thường do sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, bao gồm:

1. Khai thác hải sản:

a) Chủ tàu và người lao động trên tàu/thuyền không lắp máy hoặc có lắp máy công suất dưới 90 CV trực tiếp khai thác thủy sản trên biển, cửa sông, cửa biển, đầm phá, có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế hoạt động khai thác thủy sản tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế phải ngừng hoạt động do sự cố môi trường biển;

b) Chủ tàu và người lao động trên tàu có công suất máy chính từ 90CV trở lên có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, tàu có đăng ký tại 04 tỉnh và thực tế đang hoạt động khai thác hải sản tại các vùng biển từ ngày 06 tháng 4 năm 2016 đến 30 tháng 9 năm 2016 bị thiệt hại do sự cố môi trường biển;

c) Người lao động sống ven biển làm nghề khai thác thủy sản có tính chất đơn giản và thu nhập chính dựa vào nguồn lợi từ biển, đầm phá, cửa sông như: câu, lặn, te/xiệp, nghề cào, nom, chụp, lưới rùng, mò, nò, sáo, bẫy, đặng, đáy và các phương thức khai thác khác, bị thiệt hại do sự cố môi trường biển.

2. Nuôi trồng thủy sản:

a) Hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (gọi chung là cơ sở nuôi trồng thủy sản) trực tiếp nuôi trồng thủy sản; sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản mặn, lợ bị

thiệt hại do thủy sản, giống thủy sản bị chết do ảnh hưởng của sự cố môi trường biển;

b) Chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản phải tạm dừng sản xuất do nguồn nước biển bị ô nhiễm bởi sự cố môi trường biển;

c) Người lao động làm thuê thường xuyên, có thu nhập chính từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản; sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản mặn, lợ phải tạm dừng sản xuất do nguồn nước biển bị ô nhiễm bởi sự cố môi trường biển.

3. Sản xuất muối:

Tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ gia đình và lao động làm thuê cho cơ sở sản xuất muối (nếu có) bị thiệt hại trực tiếp do sự cố môi trường biển.

4. Hoạt động kinh doanh thủy sản ven biển:

a) Tổ chức, cá nhân có địa điểm kinh doanh hoặc có hộ khẩu thường trú tại các xã, phường, thị trấn ven biển trực tiếp thu mua, sơ chế thủy sản từ các tàu cá, tại cảng cá, bến cá, chợ cá, cơ sở nuôi trồng thủy sản, bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển;

b) Chủ cơ sở chế biến nước mắm, mắm hải sản, tằm ướp hải sản và các phương thức chế biến khác có địa điểm sản xuất, kinh doanh hoặc có hộ khẩu thường trú tại các xã, phường, thị trấn ven biển, bị thiệt hại bởi sự cố môi trường biển;

c) Người lao động làm việc thường xuyên và có thu nhập chính từ các hoạt động: vận chuyển, chở thuê hàng hải sản, bốc vác, sơ chế, chế biến thủy sản và người làm thuê cho các cơ sở nêu tại điểm a và b mục này bị thiệt hại bởi sự cố môi trường biển.

5. Dịch vụ hậu cần nghề cá:

Người lao động làm thuê trong các cơ sở sản xuất kinh doanh đá lạnh để bảo quản hải sản, kho lạnh, cấp đông; đóng, sửa tàu thuyền; sản xuất, kinh doanh ngư cụ có địa điểm kinh doanh tại các xã, phường, thị trấn ven biển, bị thiệt hại bởi sự cố môi trường biển.

6. Dịch vụ du lịch, thương mại ven biển:

Người dân sống ven biển làm nghề có tính chất đơn giản: bán hàng, làm dịch vụ cho khách du lịch có địa điểm kinh doanh hoặc có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại các xã, phường, thị trấn ven biển, bị thiệt hại bởi sự cố môi trường biển.

7. Thu mua, tạm trữ thủy sản:

a) Chủ cơ sở thu mua, tạm trữ thủy sản có kho lạnh, kho cấp đông tại các xã, phường, thị trấn ven biển bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển, còn lưu kho các sản phẩm thủy sản được thu mua trước ngày 30 tháng 8 năm 2016;

b) Người làm thuê thường xuyên có thu nhập chính từ cơ sở nêu tại điểm a mục này bị thiệt hại bởi sự cố môi trường biển.

Điều 2. Định mức và thời gian tính bồi thường thiệt hại

1. Định mức bồi thường thiệt hại được xây dựng trên nguyên tắc xác định thiệt hại của 07 nhóm đối tượng thiệt hại được xác định bồi thường do sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế nêu tại Điều 1 Quyết định này. Định mức cụ thể cho từng nhóm đối tượng theo Phụ lục đính kèm.

Riêng đối với 03 đối tượng: Khai thác thủy sản trên tàu có công suất máy chính từ 90 CV trở lên; nuôi trồng thủy sản (thủy sản chết) và sản xuất muối; thu nhập bị mất của người lao động làm thuê được tính chung trong định mức bồi thường thiệt hại của chủ tàu hoặc chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối. Căn cứ định mức bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các chủ tàu hoặc chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối thống kê danh sách những lao động làm thuê trên tàu, trong cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất muối và mức bồi thường đối với mỗi lao động cho phù hợp, đảm bảo đồng thuận, có xác nhận của từng người lao động. Trên cơ sở đó thực hiện bồi thường thiệt hại cho chủ tàu, chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối để cấp cho từng người lao động theo danh sách đã thống kê trên.

2. Căn cứ đối tượng thiệt hại được xác định bồi thường do sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế nêu tại Điều 1 và định mức bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều này; Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra, rà soát, xác định tổng mức bồi thường thiệt hại cho các đối tượng thuộc địa phương quản lý gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài chính tổng hợp trước ngày 05 tháng 10 năm 2016. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì thẩm tra, xác định kinh phí bồi thường của từng địa phương gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước ngày 10 tháng 10 năm 2016.

3. Thời gian tính bồi thường thiệt hại tối đa là 6 tháng, từ tháng 4 năm 2016 đến hết tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí bồi thường thiệt hại về kinh tế cho các đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này được sử dụng từ nguồn kinh phí do Công ty trách nhiệm hữu hạn Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh bồi thường.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở Quyết định phân bổ kinh phí bồi thường cho các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính chuyên kinh phí cho các địa phương để thực hiện chi trả cho các đối tượng thông qua Tài khoản tiền gửi có mục đích tại Kho bạc Nhà nước. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về việc quản lý, sử dụng và quyết toán khoản kinh phí bồi thường này từ số tiền Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh bồi thường.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế tổ chức triển khai việc chi trả kinh phí bồi thường đảm bảo việc chi trả trực tiếp đến người dân bị thiệt hại, kịp thời, đúng đối tượng, không để xảy ra tiêu cực. Thực hiện công khai đối tượng được bồi thường; công khai thiệt hại và kinh phí bồi thường thiệt hại cho từng đối tượng trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại thôn, xã theo quy định; đồng thời tổng hợp kết quả thực hiện gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài chính, để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với các đối tượng thực sự bị thiệt hại do ảnh hưởng sự cố môi trường biển nhưng chưa được xác định, kê khai thiệt hại do còn vướng mắc, chưa có cơ sở xây dựng định mức bồi thường thiệt hại, giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các địa phương xác định thiệt hại cụ thể; trên cơ sở báo cáo đề xuất của các địa phương, Bộ Tài chính cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng định mức bồi thường báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong tháng 10 năm 2016.

4. Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ: Y tế, Tài nguyên và Môi trường đề xuất các giải pháp xử lý lô hàng tồn kho được thu mua trước ngày 30 tháng 8 năm 2016 nhằm giải quyết dứt điểm sản phẩm tồn kho, tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở thu mua, tạm trữ thủy sản; góp phần duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách bồi thường thiệt hại tại các địa phương; định kỳ hàng tháng tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

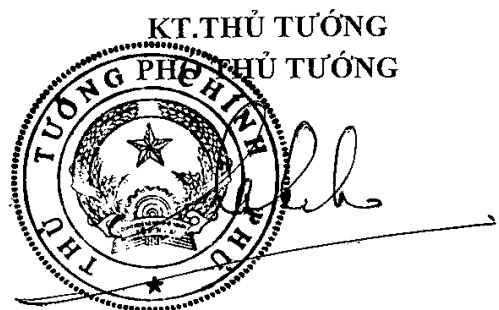
Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

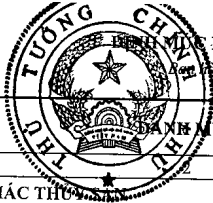
2. Các Bộ, Ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế chủ động giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ các vấn đề vượt thẩm quyền./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW, các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Các Bộ: TC, CT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH; TN&MT
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- UBND các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg; các Vụ: TH, KTN, KGVX, TKBT;
- Lưu: VT, KTH (3). 5Đ



Trương Hòa Bình



BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG BIỂN 4 TỈNH MIỀN TRUNG

Đính kèm theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9... năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ

TT	MỤC	ĐƠN VỊ	ĐÌNH MỨC BỒI THƯỜNG	Ghi chú
1		3	4	
I	KHAI THÁC THỰC DẪN			
I	ĐỐI TƯỢNG CHỦ TÀU			
a	Tàu/thuyền không lắp máy	Đồng/tàu/tháng	5.830.000	Thiệt hại do nằm bờ
b	Tàu lắp máy dưới 20 CV	Đồng/tàu/tháng	10.670.000	Thiệt hại do nằm bờ
c	Tàu lắp máy công suất từ 20 CV đến dưới 50 CV	Đồng/tàu/tháng	15.200.000	Thiệt hại do nằm bờ
d	Tàu lắp máy công suất từ 50 CV đến dưới 90 CV	Đồng/tàu/tháng	20.390.000	Thiệt hại do nằm bờ
đ	Tàu lắp máy công suất từ 90 CV đến dưới 250 CV	Đồng/tàu/tháng	18.220.000	Thiệt hại do giá
e	Tàu lắp máy công suất từ 250 CV đến dưới 400 CV	Đồng/tàu/tháng	28.660.000	Thiệt hại do giá
g	Tàu lắp máy công suất từ 400 CV đến dưới 800 CV	Đồng/tàu/tháng	37.480.000	Thiệt hại do giá
h	Tàu lắp máy công suất từ 800 CV trở lên	Đồng/tàu/tháng	37.480.000	Thiệt hại do giá
II	ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG TRÊN TÀU			
a	Tàu/thuyền không lắp máy	Đồng/người/tháng	3.690.000	Thiệt hại do nằm bờ
b	Tàu lắp máy dưới 20 CV	Đồng/người/tháng	5.960.000	Thiệt hại do nằm bờ
c	Tàu lắp máy công suất từ 20 CV đến dưới 50 CV	Đồng/người/tháng	7.650.000	Thiệt hại do nằm bờ
d	Tàu lắp máy công suất từ 50 CV đến dưới 90 CV	Đồng/người/tháng	8.790.000	Thiệt hại do nằm bờ
đ	Tàu lắp máy công suất từ 90 CV đến dưới 250 CV	Đồng/người/tháng	-	Thiệt hại do giá. Trong đó thiệt hại của người lao động được tính chung trong thiệt hại của mỗi tàu. Chủ tàu thực hiện chi trả cho các lao động trên tàu.
e	Tàu lắp máy công suất từ 250 CV đến dưới 400 CV	Đồng/người/tháng	-	
g	Tàu lắp máy công suất từ 400 CV trở lên	Đồng/người/tháng	-	
h	Tàu lắp máy công suất từ 800 CV trở lên	Đồng/người/tháng	-	
III	NUÔI TRỒNG THỦY SẢN MẶN, LỢ			
I	Nuôi tôm thẻ chân trắng			
1.1	Nuôi thâm canh trong ao cát (mật độ từ 100 đến 120 con/m ²)		-	Mục III được sử dụng để bồi thường thiệt hại do thủy sản, giống nuôi trồng bị chết và trả 1 lần. Trong đó thiệt hại của người lao động quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 được tính chung vào thiệt hại của chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản. Chủ cơ sở thực hiện chi trả cho người lao động.
a	Thời gian dưới 45 ngày	Đồng/m ²	33.860	
b	Thời gian từ 45 ngày trở lên	Đồng/m ²	44.300	
1.2	Nuôi thâm canh trong ao đất (mật độ từ 60 đến dưới 100 con/m ²)		-	
a	Thời gian dưới 45 ngày	Đồng/m ²	24.210	
b	Thời gian từ 45 ngày trở lên	Đồng/m ²	29.610	
1.3	Nuôi bán thâm canh trong ao đất (mật độ từ 20 đến dưới 60 con/m ²)		-	
a	Thời gian dưới 45 ngày	Đồng/m ²	11.410	
b	Thời gian từ 45 ngày trở lên	Đồng/m ²	14.580	
1.4	Nuôi quảng canh cải tiến, xen ghép trong ao, đầm, ruộng...		-	
a	Thời gian dưới 45 ngày	Đồng/m ²	6.990	
b	Thời gian từ 45 ngày trở lên	Đồng/m ²	8.410	
2	Nuôi tôm sú			
2.1	Nuôi thâm canh (mật độ 25 con/m ²)		-	
a	Thời gian dưới 60 ngày	Đồng/m ²	16.190	

TT	DANH MỤC	ĐƠN VỊ	ĐINH MỨC BỒI THƯỜNG	Ghi chú
1	2	3	4	
b	Thời gian từ 60 ngày trở lên	Đồng/m ²	21.150	
2.2	Nuôi bán thâm canh (mật độ 10 đến 24 con/m ²)			
a	Thời gian dưới 60 ngày	Đồng/m ²	9.410	
b	Thời gian từ 60 ngày trở lên	Đồng/m ²	12.770	
2.3	Nuôi quảng canh cải tiến, xen ghép (mật độ từ 6 đến 10 con/m ²)			
a	Thời gian dưới 60 ngày	Đồng/m ²	6.220	
b	Thời gian từ 60 ngày trở lên	Đồng/m ²	9.200	
3	Nuôi cá mặn, lợ			
3.1	Nuôi thâm canh cá mặn, lợ			
a	Thời gian dưới 90 ngày	Đồng/m ²	37.463	
b	Thời gian từ 90 ngày trở lên	Đồng/m ²	47.546	
3.2	Nuôi bán thâm canh cá mặn, lợ			
a	Thời gian dưới 90 ngày	Đồng/m ²	7.590	
b	Thời gian từ 90 ngày trở lên	Đồng/m ²	10.280	
4	Sản xuất, ương dưỡng giống			
a	Giá bán tôm pốt 15 (post) tại trại	Đồng/1000 con	90.000	
b	Giá bán tôm giống tại ao ương	Đồng/1000 con	140.000	
5	Nuôi nghêu bãi triều ven biển (nhuyễn thể)			
a	Mật độ dưới 150 con/m ²	Đồng/m ²	4.830	
b	Mật độ từ 150 con/m ² trở lên	Đồng/m ²	6.630	
6	Nuôi cua			
a	Thời gian dưới 90 ngày	Đồng/m ²	7.020	
b	Thời gian từ 90 ngày trở lên	Đồng/m ²	9.050	
7	Nuôi cá lồng			
a	Thời gian dưới 90 ngày	Đồng/m ³	438.750	
b	Thời gian từ 90 ngày trở lên	Đồng/m ³	686.540	
8	Nuôi cá biển trên ao lót bạt			
a	Dưới 90 ngày (tính theo m ²)	Đồng/m ²	90.000	
b	Trên 90 ngày (tính theo m ²)	Đồng/m ²	120.000	
IV	NGHỀ MUỐI	Đồng/ha/tháng	39.370.000	Thiệt hại nghề muối trả 1 lần. Đối với thiệt hại của người lao động tại các cơ sở sản xuất muối được tính chung vào thiệt hại của chủ cơ sở. Chủ cơ sở thực hiện chi trả cho người lao động.
V	NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ MẤT THU NHẬP	Đồng/người/tháng	2.910.000	Bao gồm thu nhập bị mất của chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản tạm dừng sản xuất và người lao động bị mất thu nhập các lĩnh vực được xác định bồi thường.